

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Huyền Thanh.

Ông Lê Quang Đầy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1989 (có mặt).

Đăng ký thường trú: Ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn – Ông Phạm Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Hằng N có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống lúc đầu vợ, chồng hạnh phúc. Đến năm 2018, hôn nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, đời sống không còn hạnh phúc nên bà N tự ý bỏ nhà đi làm ở tỉnh Tây Ninh và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn hôn nhân, vì vậy

ông Phạm Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hằng N.

Về con chung: Có hai người con.

Phạm Quý S, sinh ngày 05/10/2005 (nam);

Phạm Triều M, sinh ngày 08/3/2008 (nam).

Khi ly hôn, ông T yêu cầu nuôi con vì có điều kiện để cho con học tập.

Về tài sản chung, công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bà Nguyễn Thị Hằng N:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông T yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Bảo lưu quan điểm nêu trên, từ khi ông T và bà N ly thân đến nay, các người con đều chung sống với ông T. Khi ly hôn, cháu Phạm Quý S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng.

Bị đơn trình bày: Đồng ý ly hôn, các vấn đề khác đúng như ông T trình bày. Khi ly hôn, cháu Phạm Quý S đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng. Bà N đồng ý giao cháu Phạm Triều M cho ông T nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Về tài sản chung và công nợ không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Ông Phạm Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hằng N, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bà N cư trú tại ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[2]. Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Hằng N tự nguyện chung sống từ năm 2004, hôn nhân có tổ chức đám cưới, gả theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Ông Phạm Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hằng N, bà Hằng N đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy ông T và bà N chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, do đó không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự mà căn cứ khoản 1 Điều 14 và

Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì quan hệ của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Hằng N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Cháu Phạm Quý S, sinh ngày 05/10/2005 (nam);

Cháu Phạm Triều M, sinh ngày 08/3/2008 (nam).

Các người con đang sống với ông T, khi ly hôn, cháu Phạm Quý S đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng. Riêng cháu Phạm Triều M bà N và ông T thống nhất giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, việc thỏa thuận của các đương sự phù hợp với yêu cầu của cháu M (Đơn yêu cầu đề ngày 25/01/2024) nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, ông T được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 14, 53, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Hằng N.

Về nuôi con: Có hai người con chung.

Cháu Phạm Quý S, sinh ngày 05/10/2005 (nam);

Cháu Phạm Triều M, sinh ngày 08/3/2008 (nam).

Hiện nay cháu Phạm Quý S đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao cháu Phạm Triều M cho ông Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013812 ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, ông T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền